TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 319/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan.

2. Bà Lê Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 393/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Kim Q**, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1987(vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn chị Dương Kim Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Kim Q và anh Trần Văn P thành hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống chị Q và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau, chị Q và anh P sống ly thân năm 2016 đến nay. Chị Q xác định chị và anh P không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Dương Kim Q và anh Trần Văn P có 01 con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 04/12/2016, chị Q đang nuôi dạy, chị Q yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Văn P nhưng anh P vẫn vắng mặt và không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn P có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Dương Kim Q khởi kiện xin ly hôn với anh P nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với anh Trần Văn P nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 01 tháng 10 năm 2019 chị Dương Kim Q có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh P là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Dương Kim Q và anh Trần Văn P thành hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2016 ngày 13 tháng 9 năm 2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Theo chị Q trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, vợ chồng sống ly thân năm 2016 đến nay. Chị Q xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh P. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Kim Q và anh Trần Văn P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Chị Dương Kim Q và anh Trần Văn P có 01 con chung tên Trần Bảo V, sinh ngày 04/12/2016, chị Q đang nuôi dạy, chị Q yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy từ khi chị Q, anh P ly thân đến nay cháu Trần Bảo V do chị Q trực tiếp nuôi dạy và hiện nay cháu Trần Bảo V còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị Q. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Trần Bảo V, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh P thực hiện quyền này.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Cháu Trần Bảo V được giao cho chị Q nuôi dạy, chị Q yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Kim Q, chị Q được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao cháu Trần Bảo V, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Dương Kim Q nuôi dạy. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh P thực hiện quyền này.

Buộc anh Trần Văn P phải cấp dưỡng cho Trần Bảo V mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2019.

Kể từ ngày chị Dương Kim Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn P không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Q phải chịu 300.000 đồng. Chị Q có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002638 ngày 04/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Anh Trần Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Hải;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân